

BÀI 1. CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Hoạt động sản xuất và vai trò của hoạt động sản xuất

- *Khái niệm:* hoạt động sản xuất là hoạt động tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần đáp ứng các nhu cầu của con người.

- *Vai trò:*

+ Là hoạt động kinh tế cơ bản, quyết định sự tồn tại phát triển của cá nhân và xã hội.

+ Là cơ sở thúc đẩy việc mở rộng các hoạt động khác của con người, làm phong phú đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.

=> Với vai trò quan trọng như vậy, mỗi người cần tích cực, chủ động tham gia vào hoạt động sản xuất phù hợp với điều kiện và lứa tuổi của mình.

2. Hoạt động phân phối, trao đổi và vai trò của hoạt động phân phối, trao đổi

❖ *Hoạt động phân phối:*

- *Khái niệm:* là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất khác nhau để tạo ra sản phẩm và phân chia sản phẩm cho các cá nhân tiêu dùng theo lý lẽ đóng góp của họ vào việc tạo ra sản phẩm.

- *Vai trò:* quan hệ phân phối phù hợp sẽ góp phần thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng.

❖ *Hoạt động trao đổi:*

- *Khái niệm:* là hoạt động đưa sản phẩm sau khi sản xuất đến với người tiêu dùng.

- *Vai trò:*

+ Kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm của mình, đồng thời giúp người tiêu dùng mua được sản phẩm phù hợp với nhu cầu của bản thân.

- Khi tham gia vào hoạt động trao đổi, mỗi người cần thực hiện mua và bán phù hợp với nhu cầu và điều kiện của mình, phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Hoạt động tiêu dùng và vai trò của hoạt động tiêu dùng

- *Khái niệm:*

+ Là việc sử dụng các sản phẩm được sản xuất ra để thỏa mãn nhu cầu vật chất và tinh thần của con người.

+ Bao gồm tiêu dùng cho sinh hoạt và tiêu dùng cho sản xuất.

- *Vai trò:* Tiêu dùng là mục đích, là động lực thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Mỗi người cần tiêu dùng hợp lý, có kế hoạch để trở thành người tiêu dùng thông minh.

Bài 2. CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ

1. Chủ thể sản xuất

- Chủ thể sản xuất là cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, trực tiếp tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

❖ *Vai trò của chủ thể sản xuất:*

- Chủ thể sản xuất sử dụng các yếu tố đầu vào như vốn, sức lao động, tài nguyên thiên nhiên, để sản xuất, kinh doanh và thu lợi nhuận.

- Chủ thể sản xuất luôn quan tâm đến việc lựa chọn loại hàng hoá sản xuất, xác định số lượng sản phẩm làm ra và kỹ thuật sản xuất phù hợp để có lợi nhất cho bản thân, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

- Ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, chủ thể sản xuất cần tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm đối với người tiêu dùng, với xã hội và môi trường, góp phần phát triển bền vững.

2. Chủ thể trung gian

- Chủ thể trung gian là các cá nhân, tổ chức đóng vai trò cầu nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng trong nền kinh tế.

❖ *Vai trò:*

+ Do sự phát triển của sản xuất và trao đổi, dưới tác động của phân công lao động xã hội, những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán.

+ Nhờ có các chủ thể trung gian mà nền kinh tế trở nên sống động, linh hoạt hơn. Chủ thể trung gian góp phần làm cho sản xuất và tiêu dùng trở nên tương thích với nhau, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng phát triển.

3. Chủ thể tiêu dùng

- Chủ thể tiêu dùng là người mua và sử dụng hàng hóa, dịch vụ để thỏa mãn các nhu cầu của mình. Người tiêu dùng ra quyết định chỉ tiêu dựa trên số tiền mình có, lựa chọn sản phẩm và phương thức mua hàng phù hợp với nhu cầu của cá nhân.

❖ *Vai trò:*

- Sự phát triển đa dạng về nhu cầu của người tiêu dùng là động lực quan trọng thúc đẩy sản xuất phát triển.

❖ *Trách nhiệm:*

Ngoài việc thỏa mãn nhu cầu của mình, người tiêu dùng còn có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội.

Bài 3. THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm

- Thị trường là nơi các chủ thể kinh tế gặp nhau để xác định số lượng, giá cả hàng hóa, dịch vụ khi mua và bán, đáp ứng nhu cầu của mỗi bên.

- Các yếu tố cơ bản của thị trường là hàng hóa, tiền tệ, giá cả, người mua, người bán.

- Các quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ mua - bán, quan hệ cung - cầu.

3. Chức năng của thị trường

Với tư cách là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, thị trường là môi trường quan trọng thúc đẩy sản xuất và trao đổi hàng hóa. Thị trường có ba chức năng cơ bản sau đây:

- Một là, thừa nhận sự phù hợp của hàng hóa với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng. Một hàng hóa bán được trên thị trường nghĩa là chủng loại, hình thức, chất lượng hàng hóa đó đáp ứng yêu cầu của xã hội. Trên cơ sở tác động qua lại lẫn nhau giữa người bán với người mua, giá cả hàng hóa được hình thành.

- Hai là, cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế. Thị trường cung cấp nhiều loại thông tin như giá cả, số lượng, chất lượng hàng hóa, cơ cấu sản phẩm, mẫu mã, điều kiện mua và bán.

- Ba là, kích thích và điều tiết hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Trên cơ sở các thông tin của thị trường, người sản xuất điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để tăng thu lợi nhuận, người tiêu dùng điều chỉnh việc mua hàng hóa sao cho thu được nhiều lợi ích nhất.

Bài 4. CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

3. Giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường

a. *Giá cả thị trường*

- Giá cả thị trường là giá hàng hóa và dịch vụ hình thành do tác động qua giữa các chủ thể kinh tế tham gia hoạt động mua bán trên thị trường tại một thời điểm, địa điểm nhất định.

b. *Chức năng của giá cả thị trường*

- Giá cả là yếu tố trung tâm của thị trường, là mối quan tâm của các chủ thể kinh tế khi tham gia thị trường.

- Thông qua sự biến động của giá cả, các chủ thể kinh tế nhận biết được sự khan hiếm hoặc dư thừa tương đối của hàng hoá, từ đó điều chỉnh hành vi của mình.
- Giá cả còn giúp thị trường điều tiết và phân bổ lại các nguồn lực giữa các ngành sản xuất theo hướng có lợi nhất cho các chủ thể kinh tế.

Bài 5. NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm và đặc điểm của ngân sách nhà nước

- Theo Điều 4 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

- Ngân sách nhà nước gồm có:

+ Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chỉ của cấp địa phương.

+ Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chỉ của cấp trung ương.

- *Đặc điểm:*

+ Bao gồm toàn bộ các khoản thu chi được dự toán và thực hiện trong một thời gian nhất định.

+ Được quyết định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Hoạt động thu chi của ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp.

+ Được xây dựng và thực hiện nhằm mục tiêu bảo đảm về mặt tài chính cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước vì lợi ích chung của quốc gia.

3. Vai trò của ngân sách nhà nước

- Vai trò của ngân sách nhà nước:

+ Tạo lập nguồn vốn lớn, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và huy động nguồn tài chính;

+ Là công cụ để Nhà nước thực hiện việc điều tiết các hoạt động kinh tế và xã hội;

+ Điều tiết thu nhập dân cư, hạn chế sự bất bình đẳng xã hội.

-----**HẾT**-----

Bài 1. CẠNH TRANH TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm cạnh tranh

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế nhằm giành điều kiện thuận lợi trong sản xuất, mua bán, tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ để có thể thu về lợi ích kinh tế cao nhất.

2. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

- Do có sự khác biệt về hình thức sở hữu nguồn lực; các chủ thể này lại tồn tại độc lập với nhau; chủ thể nào cũng hành động trước hết vì lợi ích của mình.

- Vì các nguồn lực có hạn, các điều kiện sản xuất, mua bán và tiêu dùng khác nhau nên để thực hiện được lợi ích của mình, các chủ thể kinh tế phải cạnh tranh với nhau.

- Các loại cạnh tranh:

+ Các chủ thể sản xuất cạnh tranh với nhau (giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất và tiêu thụ hàng hóa nhằm thu được lợi nhuận cao nhất).

+ Người tiêu dùng cạnh tranh với nhau (luôn ganh đua với nhau để mua được hàng hóa rẻ hơn với chất lượng tốt hơn).

+ Người sản xuất cạnh tranh với người tiêu dùng (thường xuyên cạnh tranh với nhau để đạt được lợi ích nhiều nhất cho mình từ hoạt động trao đổi trên thị trường).

3. Vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế

- Đối với người sản xuất: Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Họ tận dụng tốt nhất các nguồn lực và lợi thế, tích cực ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất.

- Đối với người tiêu dùng: Cạnh tranh tạo điều kiện để người tiêu dùng được tiếp cận hàng hóa, dịch vụ chất lượng tốt, phong phú về mẫu mã, chủng loại, giá cả hợp lý.

=> Do đó, nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội được đáp ứng ngày càng tốt hơn.

- Đối với nền kinh tế: Các nguồn lực kinh tế được sử dụng linh hoạt và hiệu quả, cạnh tranh trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

4. Cạnh tranh không lành mạnh

- Cạnh tranh không lành mạnh là hành vi trái với nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại và các chuẩn mực trong sản xuất, kinh doanh, gây thiệt hại hoặc có thể gây thiệt hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác.

- Một số hành vi của cạnh tranh không lành mạnh:

+ Xâm phạm thông tin, bí mật trong kinh doanh;

+ Cung cấp thông tin không trung thực về doanh nghiệp khác;

+ Gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác;

+ Lôi kéo khách hàng một cách bất chính.

- Trách nhiệm:

Ngăn ngừa, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh là nhiệm vụ của mỗi cá nhân, của toàn xã hội, đặc biệt là của Nhà nước.

Bài 2. CUNG, CẦU TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1. Khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

a. Khái niệm cầu

Cầu là số lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng có khả năng mua và sẵn sàng mua ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định.

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cầu

- Cầu về một loại hàng hóa và dịch vụ phụ thuộc trước hết vào giá cả của chính hàng hóa, dịch vụ đó trên thị trường tại một thời điểm xác định.

- Ngoài ra, còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến cầu hàng hóa, dịch vụ như:

+ Thu nhập của người tiêu dùng: Thu nhập trung bình của người tiêu dùng tăng thì cầu về hàng hóa, dịch vụ cũng tăng và ngược lại.

+ Giá cả hàng hóa khác, bao gồm những hàng hóa có khả năng thay thế, hoặc bổ sung cho việc tiêu dùng hàng hóa đó.

+ Dự đoán của người tiêu dùng về thị trường: Mặc dù giá một hàng hoá nào đó tăng nhưng người mua vẫn tiếp tục tăng mua hàng hóa đó vì họ dự đoán giá sẽ còn tăng nữa.

+ Tâm lý, tập quán và thị hiếu của người tiêu dùng. Thị hiếu của người tiêu dùng trong những giai đoạn khác nhau có ảnh hưởng khác nhau tới cầu về một số loại hàng hóa.

+ Dân số: Khi dân số tăng dẫn đến cầu về hàng hóa tăng.

2. Khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung

a. Khái niệm cung

Cung là số lượng hàng hóa, dịch vụ mà người bán có khả năng bán và sẵn sàng bán ở các mức giá khác nhau trong một thời gian nhất định.

b. Các nhân tố ảnh hưởng đến cung

- Cung về một loại hàng hóa và dịch vụ phụ thuộc trước hết vào giá cả của ngành hàng hóa đó trên thị trường tại một thời điểm xác định.

- Ngoài ra, còn có những yếu tố khác ảnh hưởng đến cung của hàng hóa, dịch vụ như:

+ Giá cả các yếu tố sản xuất: Nếu giá cả các yếu tố đầu vào của sản xuất như tiền công, giá nguyên vật liệu, tiền thuê đất,... giảm giá thì giá thành hàng hóa giảm nên sản xuất có lãi, dẫn đến tăng cung và ngược lại.

+ Trình độ công nghệ sản xuất: Nếu công nghệ và kỹ thuật hiện đại thì năng suất lao động tăng và chi phí lao động sản xuất ra hàng hóa giảm. Như vậy sẽ có số lượng hàng hóa sản xuất và cung ứng nhiều hơn so với lao động thủ công.

+ Dự đoán của người bán về thị trường: Nếu dự báo giá tăng, người sản xuất hi vọng có lợi, họ sẽ tăng cung và ngược lại.

+ Số lượng người bán trên thị trường: Nếu số lượng người cùng sản xuất một loại hàng hóa càng nhiều thì cung về loại hàng hóa càng lớn và ngược lại.

+ Chính sách của nhà nước: Nếu nhà nước có chính sách hỗ trợ (ví dụ: giảm thuế mặt hàng nào đó), lợi nhuận sẽ tăng, làm mức cung hàng hóa đó tăng lên và ngược lại.

3. Mối quan hệ cung - cầu và vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế

- Trên thị trường, cung - cầu thường xuyên tác động lẫn nhau và ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả.

+ Khi lượng hàng hóa mà người mua muốn mua đúng bằng lượng hàng hóa mà người bán muốn bán thì mức giá cân bằng được hình thành.

- + Nếu cung nhỏ hơn cầu thì giá cả tăng cao hơn giá cân bằng.
- + Nếu cung lớn hơn cầu thì giá cả hạ xuống thấp hơn giá cân bằng.
- Cung - cầu có tác dụng điều tiết quan hệ giữa sản xuất và lưu thông hàng hóa; làm thay đổi cơ cấu và quy mô thị trường, ảnh hưởng tới giá cả của hàng hóa.
- Căn cứ vào quan hệ cung - cầu, có thể dự đoán xu thế biến động của giá cả. Ở đâu có thị trường thì ở đó quan hệ cung - cầu tồn tại và hoạt động một cách khách quan.

----- **Bài 3. THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

3. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường

Hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường diễn ra cơ bản như sau:

- Lao động trong nông nghiệp giảm, lao động trong công nghiệp và dịch vụ tăng.
- Lao động được đào tạo ngày một tăng và chiếm ưu thế so với lao động chưa qua đào tạo trong tổng lao động xã hội.
- Tốc độ tăng lao động trong khu vực dịch vụ tăng nhanh hơn tốc độ tăng lao động trong các khu vực sản xuất vật chất.

----- **Bài 4. VIỆC LÀM**

1. Khái niệm việc làm

Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật không cấm.

Trong nền kinh tế thị trường, việc làm tồn tại dưới nhiều hình thức, không giới hạn về không gian, thời gian.

2. Khái niệm thị trường việc làm

Thị trường việc làm là nơi thực hiện các quan hệ thỏa thuận giữa tạo việc làm (người sử dụng lao động) và người có khả năng đáp ứng yêu cầu của việc làm (người lao động) về việc làm, tiền lương và các điều kiện làm việc trên cơ sở hợp đồng lao động.

3. Mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm

- Giữa thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ tác động qua lại, chặt chẽ với nhau.

+ Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng thất nghiệp gia tăng và ngược lại,

+ Khi khả năng tạo việc làm lớn hơn khả năng cung ứng lao động sẽ dẫn đến tình trạng thiếu hụt lao động.

- Thông qua các thông tin về lao động, việc làm, người lao động có thông tin về việc làm trên thị trường việc làm để tìm việc làm và ngược lại,

- Người sử dụng lao động có thông tin về lao động trên thị trường lao động để tuyển dụng lao động.

- Việc giải quyết tốt mối quan hệ giữa thị trường việc làm và thị trường lao động sẽ góp phần gia tăng việc làm, giảm thất nghiệp.

-----**HẾT**-----

Bài 1. TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế

- **Tăng trưởng kinh tế** là sự gia tăng về quy mô sản lượng của một nền kinh tế trong một thời kì nhất định so với thời kì gốc. Sự tăng trưởng kinh tế được so sánh với các năm gốc kế tiếp nhau được gọi là tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Tăng trưởng kinh tế được đo bằng mức tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc mức tăng tổng thu nhập quốc dân (GNI) trong một thời kì nhất định, thường là một năm.

- Một số chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế:

- + Tổng sản phẩm quốc nội (GDP);
- + Tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người (GDP/người);
- + Tổng thu nhập quốc dân (GNI);
- + Tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người (GNI/người).

2. Phát triển kinh tế và các chỉ tiêu phát triển kinh tế

- **Phát triển kinh tế** là một quá trình tăng tiến về mọi mặt của nền kinh tế trong một thời gian nhất định, bao hàm sự tăng trưởng kinh tế ổn định và dài hạn; đi liền với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hợp lý và tiến bộ xã hội.

- Các chỉ tiêu của phát triển kinh tế phản ánh sự chuyển biến tổng hợp của nền kinh tế cả về số lượng và chất lượng, bao gồm:

+ Tăng trưởng kinh tế (*sự tăng trưởng mức sản xuất và mức sống trung bình của người dân trong một thời kì nhất định*).

+ Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng hiện đại, hợp lý; (*tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp trong GDP*).

+ Chỉ tiêu về tiến bộ xã hội: Được thể hiện thông qua các chỉ số cơ bản như chỉ số phát triển con người (HDI), chỉ số đói nghèo, chỉ số bất bình đẳng xã hội.

- Phân biệt tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế:

+ **Tăng trưởng kinh tế** đơn thuần chỉ là sự thay đổi về lượng, chưa phản ánh sự biến đổi về chất của một nền kinh tế.

+ **Phát triển kinh tế** có phạm vi rộng hơn, toàn diện hơn so với tăng trưởng kinh tế.

=> Mục tiêu cuối cùng của sự phát triển kinh tế của mỗi quốc gia là sự tiến bộ xã hội cho con người, trên cơ sở những tiến bộ đã đạt được về mặt kinh tế.

4. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững

Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- Tăng trưởng kinh tế là một nội dung của phát triển bền vững.

- Ngược lại, phát triển bền vững tạo điều kiện thuận lợi phát huy các nguồn lực tự nhiên và xã hội để tăng trưởng kinh tế diễn ra mạnh mẽ, bền vững hơn.

Bài 2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

2. Sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế

- Hội nhập kinh tế quốc tế là tất yếu khách quan với tất cả các quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia mở rộng thị trường, thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế;

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm và nâng cao thu nhập của các tầng lớp dân cư.

- Đối với các nước đang phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế tạo cơ hội tiếp cận và sử dụng các nguồn lực bên ngoài như tài chính, khoa học – công nghệ, kinh nghiệm quản lý,... cho quá trình phát triển của mình.

3. Các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế

- Hội nhập kinh tế quốc tế được thực hiện theo nhiều cấp độ khác nhau.

+ Một quốc gia có thể tham gia hợp tác kinh tế song phương với quốc gia khác;

+ Tham gia vào các hoạt động kinh tế với nhiều quốc gia ở cấp độ khu vực;

+ Tham gia hội nhập nền kinh tế thế giới với các tổ chức kinh tế có phạm vi toàn cầu.

- Xét theo mức độ liên kết trong hội nhập kinh tế quốc tế, các quốc gia có thể tham gia thỏa thuận thương mại ưu đãi, hiệp định thương mại tự do, liên minh thuế quan, thị trường chung và liên minh kinh tế.

- Hội nhập kinh tế quốc tế thể hiện thông qua các hình thức đa dạng của các hoạt động kinh tế như thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, các dịch vụ thu ngoại tệ,...

Bài 3. BẢO HIỂM

1. Bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm

- Các loại hình bảo hiểm

Bảo hiểm bao gồm 4 loại hình:

+ Bảo hiểm xã hội;

+ Bảo hiểm y tế;

+ Bảo hiểm thất nghiệp;

+ Bảo hiểm thương mại.

- Mục đích của bảo hiểm

Bảo hiểm ra đời giúp con người chuyển giao rủi ro, chia sẻ rủi ro, khắc phục hậu quả tổn thất.

- Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức

Mỗi cá nhân, tổ chức cần:

+ Nhận thức đúng đắn về quyền và nghĩa vụ khi tham gia thị trường bảo hiểm;

+ Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo hiểm;

+ Xây dựng lối sống tiết kiệm, tích cực tham gia bảo hiểm và tuyên truyền đến cộng đồng xã hội về các lợi ích do việc tham gia bảo hiểm đem lại.

2. Vai trò của bảo hiểm

Trong nền kinh tế thị trường, bảo hiểm có vai trò quan trọng cả về mặt kinh tế và xã hội.

- Về kinh tế:

+ Bảo hiểm góp phần ổn định tài chính và đảm bảo an toàn cho các khoản đầu tư của các cá nhân;

- + Bảo hiểm còn là một kênh huy động vốn để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội;
- + Bảo hiểm còn góp phần ổn định và tăng thu ngân sách nhà nước, thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế.

- **Về xã hội:**

- + Bảo hiểm góp phần giảm thiểu tổn thất, đảm bảo an toàn cho cuộc sống của con người;
- + Việc tham gia bảo hiểm còn góp phần hình thành lối sống tiết kiệm trong xã hội;
- + Bảo hiểm phát triển còn tạo công ăn việc làm, giảm thất nghiệp trong nền kinh tế.

-----**HẾT**-----